Chi tiết mã HS 2302.50.00

Mã HS	2302.50.00
Mô tả hàng hóa	Cám, tấm và phế liệu khác, ở dạng viên hoặc không ở dạng viên, thu được từ quá trình giần, sàng, rây, xay xát hoặc chế biến cách khác từ các loại ngũ cốc hoặc các loại cây họ đậu / - Từ cây họ đậu
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	12/11/2026 01:40:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/23025000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2875
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2875
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2875
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2857
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2818
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2818
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2818
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2818
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2818
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2818
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2856
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2856

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2856
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2856
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2856
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2856
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2860
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2860
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2860
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2860
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2860
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2860
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2860
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2824
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2820
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2820
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2820
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2820
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2820
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2820
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2820
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2820
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2820
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2820
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2820
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2820
VCFTA	2022	2022	5	VC!D2867
VCFTA	2023	2023	5	VC!E2867

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2867
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2867
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2867
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2867
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2864
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2864
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2864
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2864
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2864
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2864
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2872
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2872
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2872
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2872
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2872
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2872
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D2843
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E2843
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F2843
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G2843
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H2843
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2843
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D2845
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E2845
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F2845
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G2845

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H2845
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2845
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2841
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2841
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2841
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2841
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2841
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2841
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2841
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2864
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2864
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2864
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2864
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2864
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2864
RCEP B	2022	2022	0	B!D2864
RCEP B	2023	2023	0	B!E2864
RCEP B	2024	2024	0	B!F2864
RCEP B	2025	2025	0	B!G2864
RCEP B	2026	2026	0	B!H2864
RCEP B	2027	2027	0	B!I2864
RCEP C	2022	2022	0	C!D2864
RCEP C	2023	2023	0	C!E2864
RCEP C	2024	2024	0	C!F2864
RCEP C	2025	2025	0	C!G2864
RCEP C	2026	2026	0	C!H2864

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I2864
RCEP D	2022	2022	0	D!D2864
RCEP D	2023	2023	0	D!E2864
RCEP D	2024	2024	0	D!F2864
RCEP D	2025	2025	0	D!G2864
RCEP D	2026	2026	0	D!H2864
RCEP D	2027	2027	0	D!I2864
RCEP E	2022	2022	0	E!D2867
RCEP E	2023	2023	0	E!E2867
RCEP E	2024	2024	0	E!F2867
RCEP E	2025	2025	0	E!G2867
RCEP E	2026	2026	0	E!H2867
RCEP E	2027	2027	0	E!I2867
RCEP F	2022	2022	0	F!D2864
RCEP F	2023	2023	0	F!E2864
RCEP F	2024	2024	0	F!F2864
RCEP F	2025	2025	0	F!G2864
RCEP F	2026	2026	0	F!H2864
RCEP F	2027	2027	0	F!I2864
VIFTA	2024	2024	0	VI!F2672
VIFTA	2025	2025	0	VI!G2672
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2672
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2672

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2302.50.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2302.50.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2875), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.